



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	890.000.000	272.000.000	272.000.000	30,56	141,85
I	Thu nội địa	890.000.000	272.000.000	272.000.000	30,56	141,85
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	90.077.000.000	93.959.487.171	93.826.569.381	104,16	2.799,81
I	Thu NS xã được hưởng theo phân cấp	820.000.000	72.082.210	72.082.210	8,79	44,74
1	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	820.000.000	72.082.210	72.082.210	8,79	44,74
2	Các khoản thu phân chia NS xã theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	89.257.000.000	90.504.840.000	90.504.840.000	101,40	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	82.374.000.000	33.328.750.000	33.328.750.000	40,46	1.430,42
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.883.000.000	57.176.090.000	57.176.090.000	830,69	12.590,60
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.249.647.171	3.249.647.171		865,86
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	90.077.000.000	26.316.474.120	26.316.474.120	29,22	853,35
I	Chi cân đối ngân sách xã	90.077.000.000	26.316.474.120	26.316.474.120	29,22	853,35
1	Chi đầu tư phát triển	10.938.000.000				
2	Chi thường xuyên	77.508.000.000	26.316.474.120	26.316.474.120	33,95	853,35
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					

6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng ngân sách NN	1.631.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tính cho NS xã					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					